

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Châu Nam Phú**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Chau Cương;

- Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên;

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bí H, sinh năm 1980, có mặt;

2. Bị đơn: Ông Chau Bun T, sinh năm 1979, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Người phiên dịch: Ông D, cán bộ đài truyền thanh huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2018, các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bí H trình bày:

Bà và ông Chau Bun T sau khi quen biết, tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 1999 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, sống tại xã V, huyện Tỉnh Biên, quá trình chung sống không có hạnh phúc, do tính tình không hợp, đến năm 2010 ông Chau Bun T đi tu ở chùa Khmer thuộc xã V, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Bà nhận thấy vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau được nên bà xin ly hôn ông Chau Bun T.

- Về con chung: Có hai đứa con chung tên Châu Hoàng T1, sinh ngày 01/01/2000 (đã trưởng thành) và Châu Hoàng N, sinh ngày 28/12/2002 hiện đang chung sống với bà. Khi ly hôn bà xin quyền nuôi con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông Chau Bun T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

2. Bị đơn ông Chau Bun T trình bày:

Về hôn nhân: như bà H trình bày, sau khi quen biết, tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân vào năm 1999 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới sống tại xã V, quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng chung sống không được hạnh phúc, do tính tình không hợp, đến khoảng năm 2010 thì ông đi tu đến nay. Nhận thấy giữa ông với bà H hết duyên nợ vợ chồng nên bà H xin ly hôn, ông đồng ý.

- Về con chung: Có hai đứa con chung tên Châu Hoàng T1, sinh ngày 01/01/2000 (trưởng thành) và Châu Hoàng N, sinh ngày 28/12/2002, hiện đang chung sống với bà H. Ông đồng ý cho con chung chưa thành niên sống với bà H và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay: bị đơn vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu của mình; không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về tố tụng:

- Bị đơn ông Chau Bun T vắng mặt tại phiên Tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại ấp M, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H xác lập quan hệ hôn nhân năm 1999, chung sống như vợ chồng đến nay không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14

Luật hôn nhân gia đình nên trường hợp này ông T, bà H có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông T và bà H.

[3.2] Về quan hệ con chung: hai đứa con chung tên Châu Hoàng T1, sinh ngày 01/01/2000 (đã thành niên) và Châu Hoàng N, sinh ngày 28/12/2002. Ông T và bà H thống nhất giao con chung chưa thành niên tên Châu Hoàng N cho bà H nuôi dưỡng, việc thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của em N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và ông T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà H thống nhất không yêu cầu chia tài sản chung và cùng khai không có nên nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà Huỳnh Thị Bí H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Châu Bun T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thị Bí H và ông Châu Bun T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Bí H được quyền tiếp tục nuôi con chung chưa thành niên tên Chau Hoàng N, sinh ngày 28/12/2002.

Ông Chau Bun T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Chau Bun T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giao dục, nuôi dạy con chung, mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể thay đổi người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Bí H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0009363 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- THA huyện (1);
- Lưu vp, hs (2).

Châu Nam Phú